

Số: 479 /TTCC115

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2026

BẢN TIN 115

Hoạt động mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện tháng 01 năm 2026

1. Thông tin chung

- Tính đến ngày 31/01/2026, Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện bao gồm Trung tâm Cấp cứu 115 và 64 trạm cấp cứu vệ tinh 115 (TVT), trong đó khu vực 1: 44 TVT, khu vực 2: 14 TVT, khu vực 3: 06 TVT.

- Triển khai Trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 và Bệnh viện Nhân dân Gia Định cơ sở 2 theo Công văn số 348/SYT-NVY ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Sở Y tế.

- Dừng hoạt động Trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại Trung tâm y tế khu vực Thủ Dầu Một do từ ngày 01/01/2026 các Trung tâm y tế không giường bệnh chấm dứt hoạt động theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sắp xếp 38 Trung tâm y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban Nhân dân xã, phường, đặc khu.

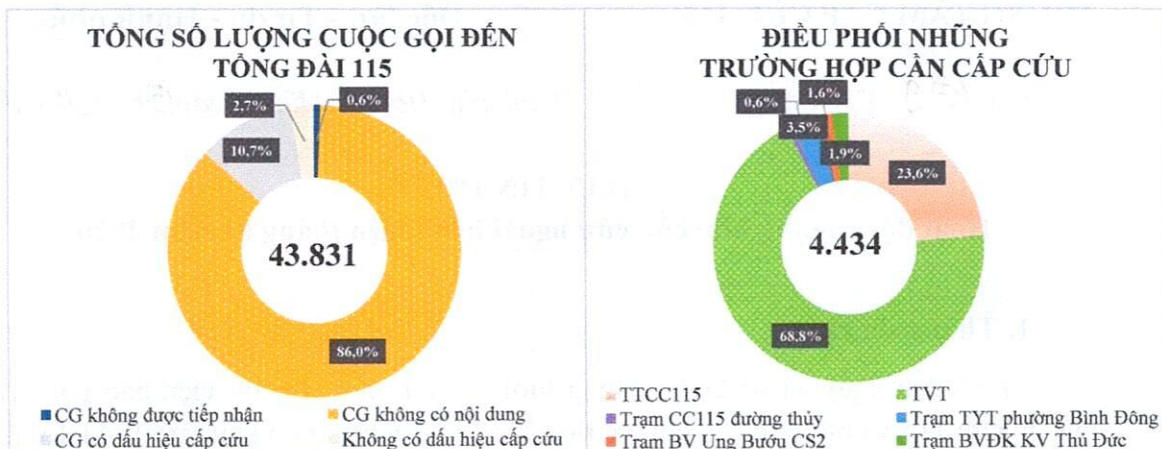
- Dừng hoạt động Trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại Phòng khám Linh Xuân do không đảm bảo tỷ lệ xuất xe cấp cứu ngoài bệnh viện.

- Trung tâm Cấp cứu 115 triển khai, đảm bảo hoạt động chuyên môn (nhân lực, phương tiện vận chuyển) tại các trạm: TVT 115 đường thủy tại BV Từ Dũ CS2, TVT 115 Bệnh viện Ung Bướu cơ sở 2, TVT 115 Trạm Y tế phường Bình Đông và TVT 115 Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức.

- Trung tâm Cấp cứu 115 tiếp tục điều phối cấp cứu ngoài bệnh viện cho TTYT Quân Dân y Đặc khu Côn Đảo trong việc cấp cứu người bệnh và đảm bảo công tác y tế cho các sự kiện trên địa bàn đặc khu Côn Đảo.

2. Công tác chuyên môn

2.1. Tổng đài 115 (tiếp nhận, sàng lọc, tư vấn và điều phối)



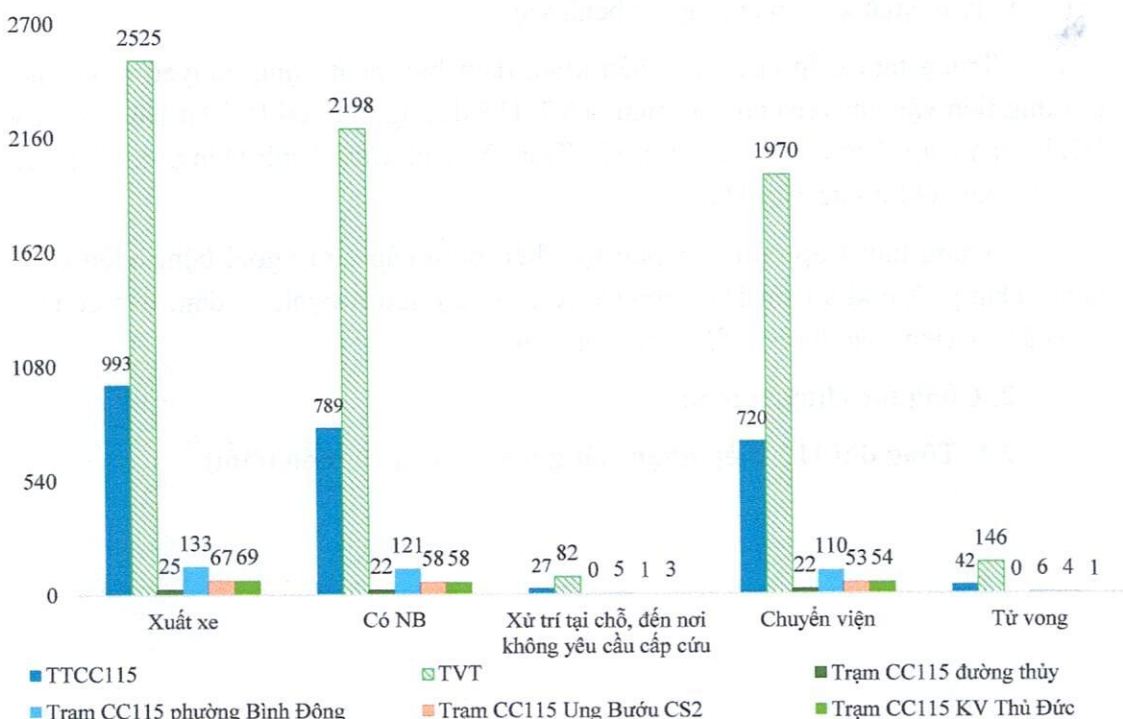
Biểu đồ 1. Thống kê công tác chuyên môn của Tổng đài 115 tháng 01/2026

- Tiếp nhận: trong tháng 01/2026, Tổng đài 115 ghi nhận 43.831 cuộc gọi, giảm 830 cuộc gọi (tương ứng 1,9%) so với tháng 12/2025. Trong đó, số cuộc gọi có dấu hiệu cấp cứu là 4.678 cuộc gọi chiếm 10,7% tổng cuộc gọi vào đầu số 115, so với tháng 12/2025 số cuộc có dấu hiệu cấp cứu tăng 30 cuộc gọi (tương ứng 0,6%).

- Sàng lọc, tư vấn, không còn nhu cầu cấp cứu, khác: 244 trường hợp.

- Điều phối: Tổng đài 115 thực hiện điều phối 4.434 trường hợp cần cấp cứu, trong đó điều phối TTCC115 là 1.046 lượt (23,6%) và đến các Trạm vệ tinh là 3.388 lượt (76,4%).

2.2. Lực lượng cấp cứu ngoài bệnh viện (tổ chức triển khai cấp cứu người bệnh tại cộng đồng)



Biểu đồ 2. Thống kê các trường hợp triển khai cấp cứu ngoài bệnh viện tháng 01/2026

- Mạng lưới Cấp cứu ngoài bệnh viện thực hiện 3.812 lượt xuất xe. Trong đó, TTCC115 xuất xe là 993 lượt chiếm 26% và các trạm cấp cứu vệ tinh xuất xe là 2.819 lượt chiếm 74%. Số lượt xuất xe có người bệnh là 3.246 lượt (tăng 95 trường hợp so với tháng 12/2025). Tỷ lệ xuất xe có người bệnh của toàn mạng lưới đạt 85,2%, trong đó tỷ lệ có người bệnh trên lượt xuất xe của TTCC115 đạt 79,5% và của TVT đạt 87,2%.

- Trường hợp chuyển viện chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 91,3% (TTCC115) và 89,9% (TVT), có 199 trường hợp tử vong trong tháng 01/2026 giảm 3% so với tháng 12/2025 gồm 205 trường hợp.

2.3. Phân bố các ca cấp cứu

❖ Trung tâm Cấp cứu 115

- Trong tháng 01/2026, 05 phường/xã tại khu vực 1 có số trường hợp cấp cứu cao nhất được TTCC115 đáp ứng là phường Hoà Hưng (63 trường hợp), phường Diên Hồng (53 trường hợp), phường Phú Định (53 trường hợp), phường Vườn Lài (46 trường hợp) và xã Bình Hưng (46 trường hợp).

- Ngoài ra, Trung tâm có đáp ứng cấp cứu có các phường tại khu vực 2 như: phường Đông Hoà (05 trường hợp), phường Dĩ An (01 trường hợp) và phường Tân Hiệp (01 trường hợp).

(đính kèm phụ lục 3)

❖ Trạm cấp cứu vệ tinh 115

- Trong tháng 01/2026, có 05 phường/xã có số trường hợp cấp cứu cao được các TVT đáp ứng bao gồm: phường Sài Gòn (90 trường hợp), phường Hiệp Bình (69 trường hợp), phường Bình Trị Đông (64 trường hợp), phường Thạnh Mỹ Tây (60 trường hợp) và phường Bình Hưng Hoà (59 trường hợp).

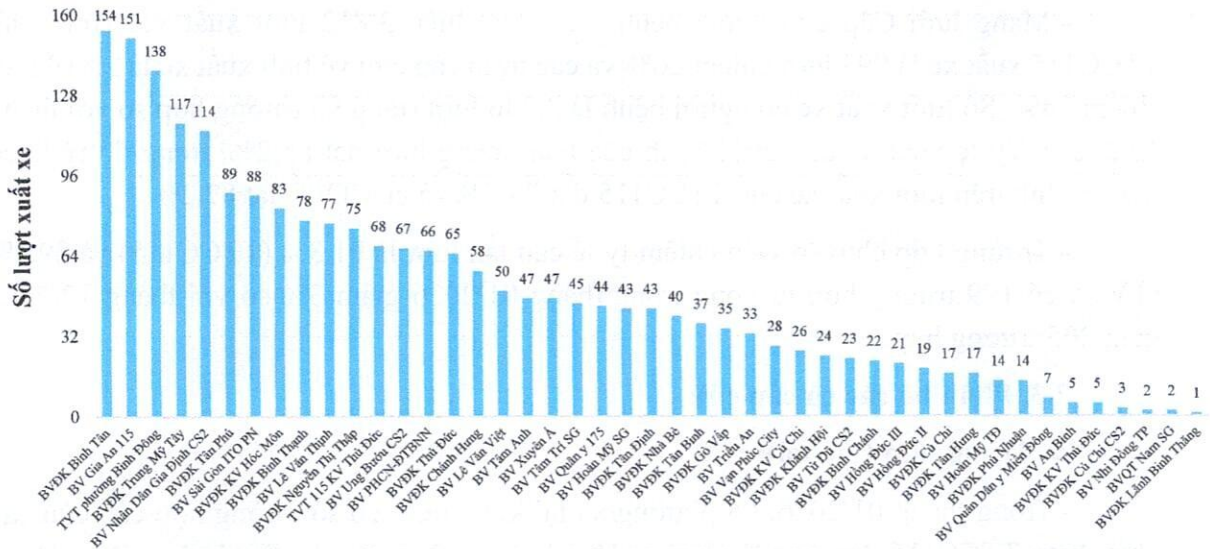
- Tại khu vực 2, các phường/xã có số lượng cấp cứu cao nhất được TVT đáp ứng bao gồm: phường Dĩ An (43 trường hợp), phường Bình Dương (42 trường hợp), phường Thủ Dầu Một (27 trường hợp), phường Bình Hoà (26 trường hợp) và phường Phú Lợi (24 trường hợp).

- Tại khu vực 3, các phường/xã có trường hợp cấp cứu cao nhất được các TVT đáp ứng cấp cứu bao gồm: phường Vũng Tàu (71 trường hợp), phường Tam Thắng (41 trường hợp), phường Bà Rịa (26 trường hợp), phường Rạch Dừa (26 trường hợp) và phường Phú Mỹ (25 trường hợp).

(đính kèm phụ lục 3)

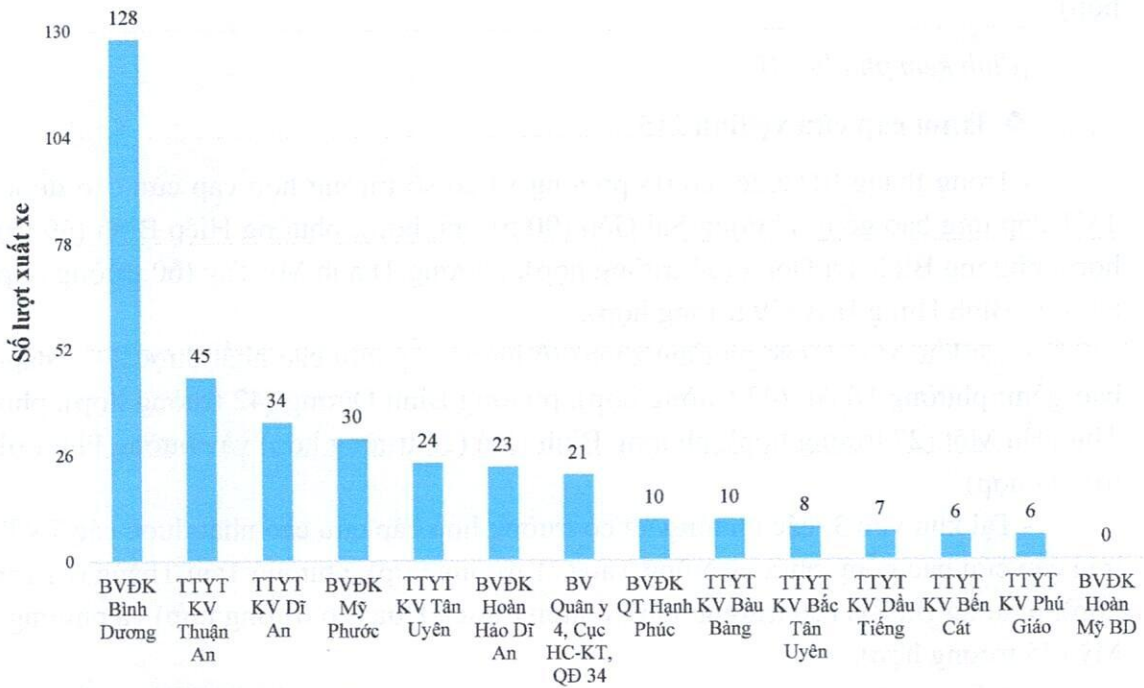
2.4. Số trường hợp cấp cứu ngoài bệnh viện của các trạm cấp cứu vệ tinh 115

❖ Số lượt xuất xe



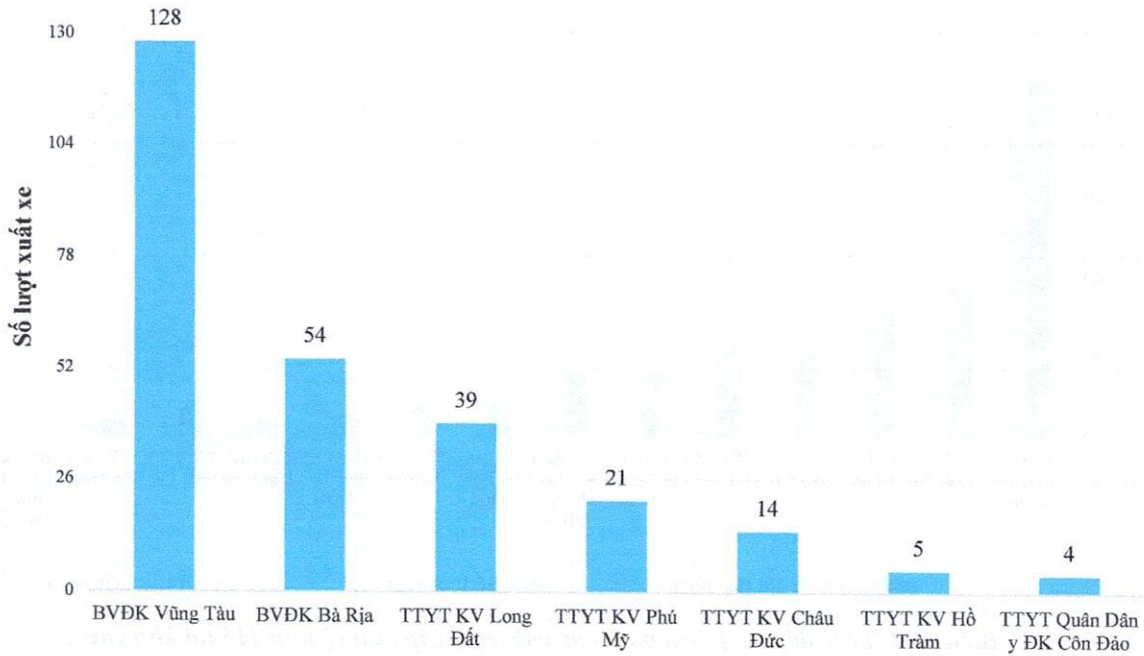
Biểu đồ 3. Số lượt xuất xe của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 1 tháng 01/2026

Tại khu vực 1, TVT BVĐK Bình Tân là Trạm vệ tinh có số lượng xuất xe cao nhất trong tháng 01 đạt 154 lượt xuất xe, kế tiếp thuộc về TVT BV Gia An 115 với 151 lượt và TVT115 TYT phường Bình Đông với 138 lượt.



Biểu đồ 4. Số lượt xuất xe của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 2 tháng 01/2026

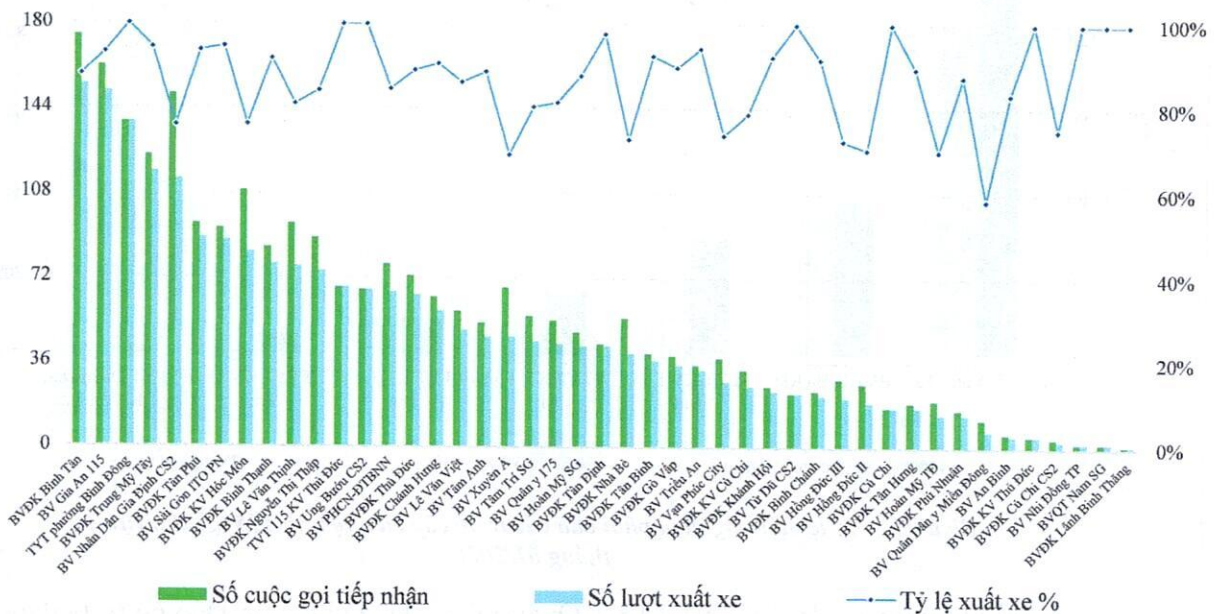
Trong tháng 01/2026 tại khu vực 2, TVT BVĐK Bình Dương có số lượt xuất xe cao nhất đạt 128 lượt và tiếp theo TVT TTYT KV Thuận An với số lượt xuất xe đạt 45 lượt. Số lượt xuất xe cấp cứu tại khu vực 2 trong tháng 01/2026 giảm 3,5% so với tháng 12/2025.



Biểu đồ 5. Số lượt xuất xe của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 3 tháng 01/2026

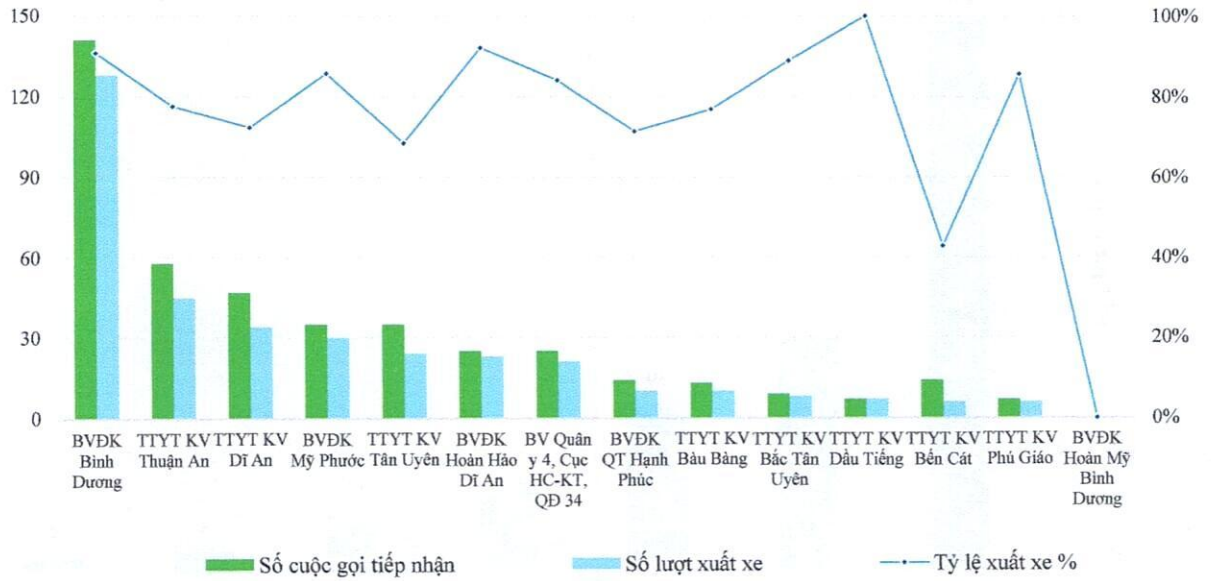
Tại khu vực 3, TTVT BVĐK Vũng Tàu có số lượt xuất xe cao nhất đạt 128 lượt và TTVT BVĐK Bà Rịa đứng thứ 2 đạt 54 lượt. Trong tháng 01/2026, số lượt xuất xe tăng 38,7% so với tháng 12/2025.

❖ Tỷ lệ xuất xe/số cuộc gọi điều phối



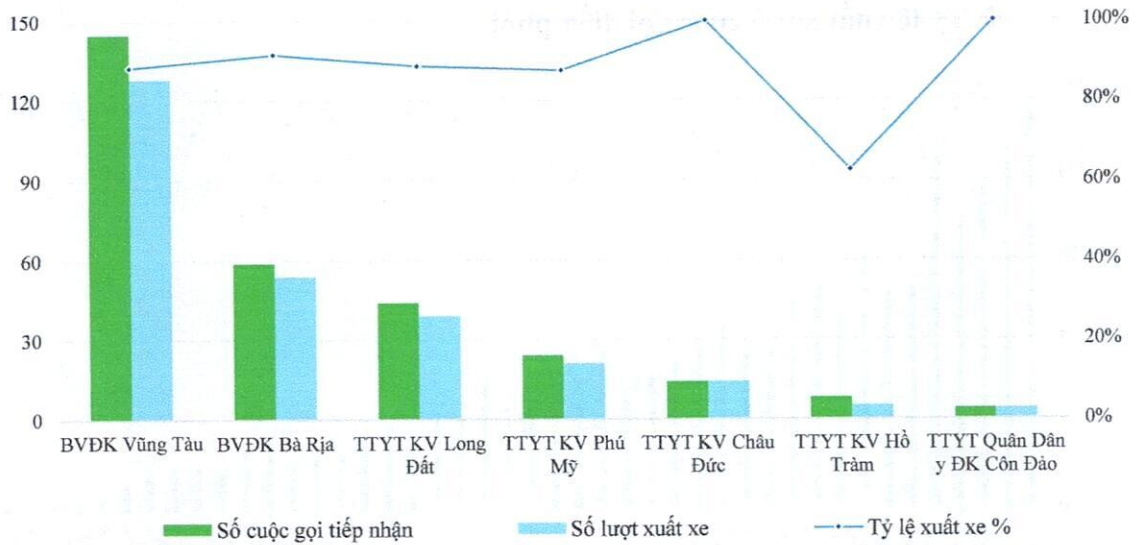
Biểu đồ 6. Tỷ lệ đáp ứng điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 1 tháng 01/2026

Tại khu vực 1, trong nhóm 10 TTVT có số lượt xuất xe cao hàng đầu, các TTVT có tỷ lệ xuất xe trên tổng số điều phối cao là TTVT 115 TYT phường Bình Đông đạt 100%, BV Sài Gòn Ito Phú Nhuận đạt 95%, kế tiếp là TTVT BVĐK Trung Mỹ Tây và BVĐK Tân Phú đều đạt 94%.



Biểu đồ 7. Tỷ lệ đáp ứng điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 2 tháng 01/2026

Tại khu vực 2, trong 06 TVT có số lượt xuất xe cao, những TVT có tỷ lệ xuất xe trên tổng số điều phối cao là TVT BVĐK Hoàn Hảo Dĩ An (92%), TVT BVĐK Bình Dương (91%) và TVT BVĐK Mỹ Phước (86%).

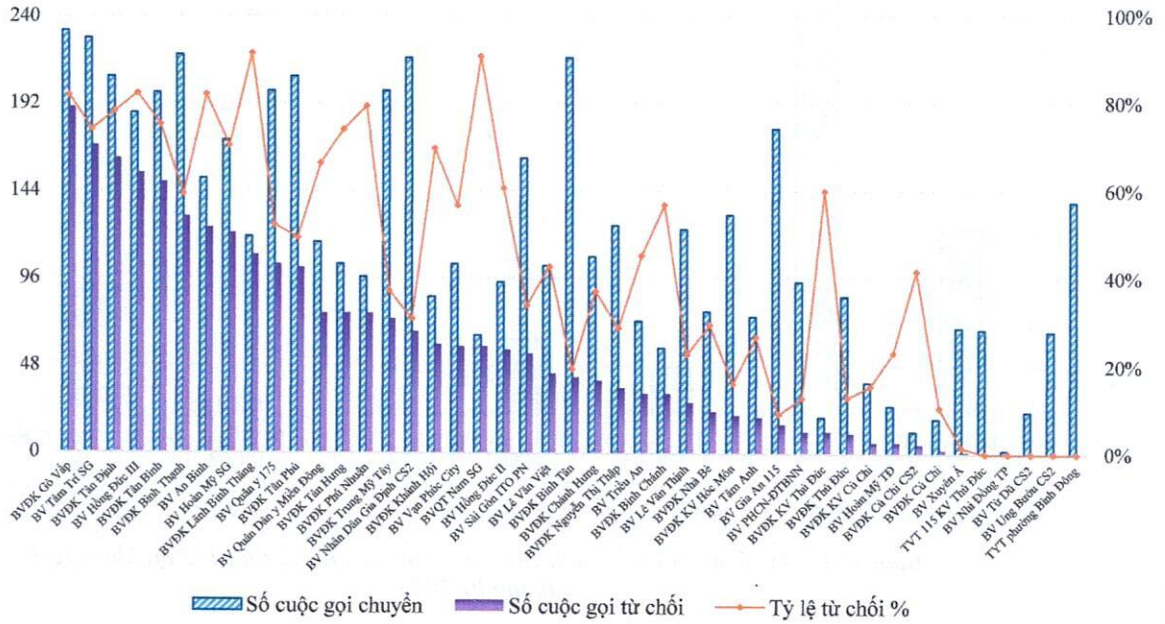


Biểu đồ 8. Tỷ lệ đáp ứng điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 3 tháng 01/2026

Tại khu vực 3, các TVT và TTYT Quân Dân y Đặc khu Côn Đảo có tỷ lệ đáp ứng xuất xe tương đối cao. Trong đó, TVT TTYT KV Châu Đức và TTYT Quân Dân y đặc khu Côn Đảo đều đạt 100%, TVT BVĐK Bà Rịa đạt 92% và TVT TTYT KV Long Đất đạt 89%.

(đính kèm phụ lục 2)

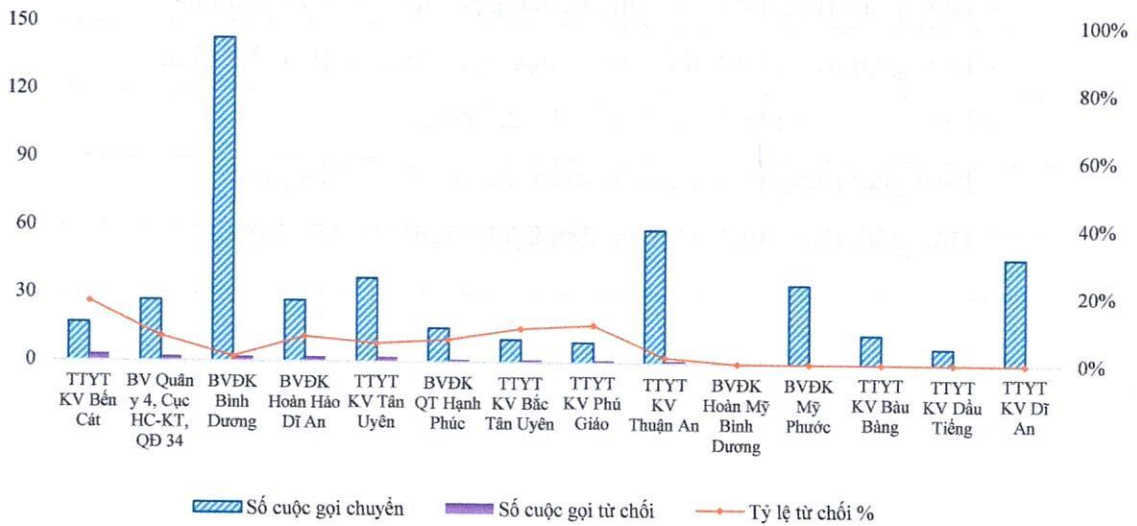
2.5. Tỷ lệ từ chối xuất xe của các Trạm cấp cứu vệ tinh 115



Biểu đồ 9. Tỷ lệ từ chối điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 1 tháng 01/2026

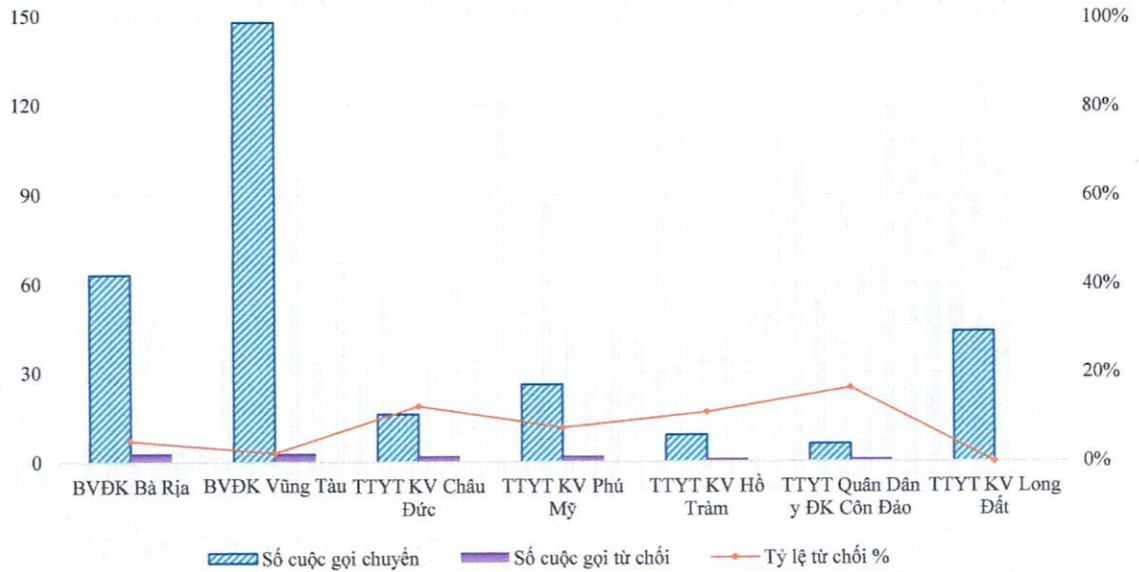
Các Trạm vệ tinh có tỷ lệ từ chối xuất xe cao nhất tại khu vực 1 là TVT BVĐK Lãnh Bình Thăng (92%), TVT BVĐK Gò Vấp (82%), TVT BV Hồng Đức III (82%), TVT BV An Bình (82%).

Các Trạm vệ tinh có tỷ lệ từ chối trên 60% cuộc gọi chuyển đến chiếm 15/44 TVT tại khu vực 1 hiện đang hoạt động.



Biểu đồ 10. Tỷ lệ từ chối điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 2 tháng 01/2026

Tỷ lệ từ chối điều phối tại khu vực 2 không cao ghi nhận 03 TVT có tỷ lệ từ chối cao nhất trong tháng là TTYT KV Bến Cát (18%), TTYT KV Phú Giáo (11%) và TTYT KV Bắc Tân Uyên (10%).



Biểu đồ 11. Tỷ lệ từ chối điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 3 tháng 01/2026

Tại khu vực 3, rất ít trường hợp từ chối điều phối, ghi nhận 03 Trạm vệ tinh có tỷ lệ cao nhất: TTYT Quân Dân y Đặc khu Côn Đảo (17%), TTYT KV Châu Đức (13%), TTYT KV Hồ Tràm (11%).

(đính kèm phụ lục 2)

2.6. Một số chỉ số chất lượng liên quan đến cấp cứu ngoài bệnh viện

❖ Trung tâm Cấp cứu 115

- Thời gian trung bình tiếp nhận cuộc gọi cấp cứu¹ (t1): 2 phút.
- Thời gian trung bình điều phối cuộc gọi cấp cứu² (t2): 2.1 phút.
- Thời gian trung bình xuất xe³ (t3): 2,3 phút.
- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường⁴ (t4): 12,4 phút.
- Thời gian trung bình chuyển đến bệnh viện⁵ (t5): 30,1 phút.

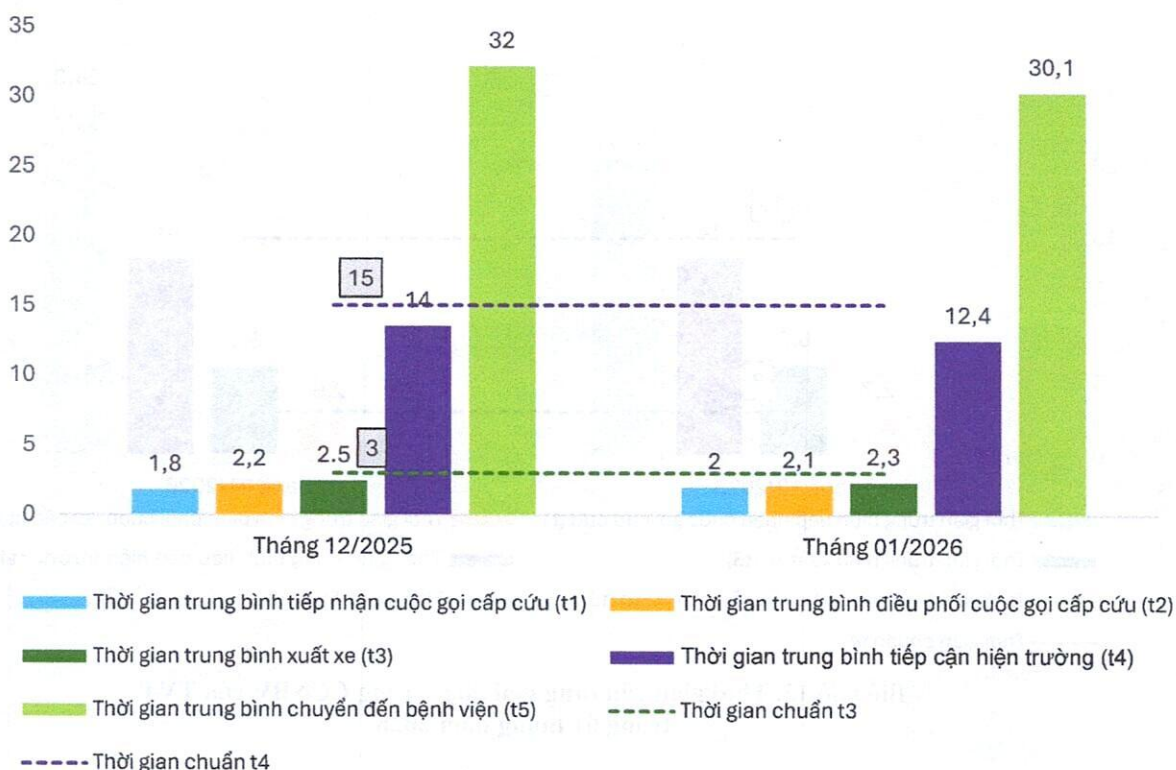
¹ t1: thời gian từ lúc tiếp nhận cuộc gọi từ người dân đến lúc kết thúc cuộc gọi.

² t2: thời gian từ lúc kết thúc cuộc gọi đến khi thông tin cấp cứu được kịp cấp cứu tiếp nhận.

³ t3: thời gian từ lúc kịp cấp cứu tiếp nhận thông tin đến lúc xuất xe.

⁴ t4: thời gian từ lúc xuất xe đến lúc tiếp cận hiện trường.

⁵ t5: thời gian từ hiện trường đến bệnh viện.



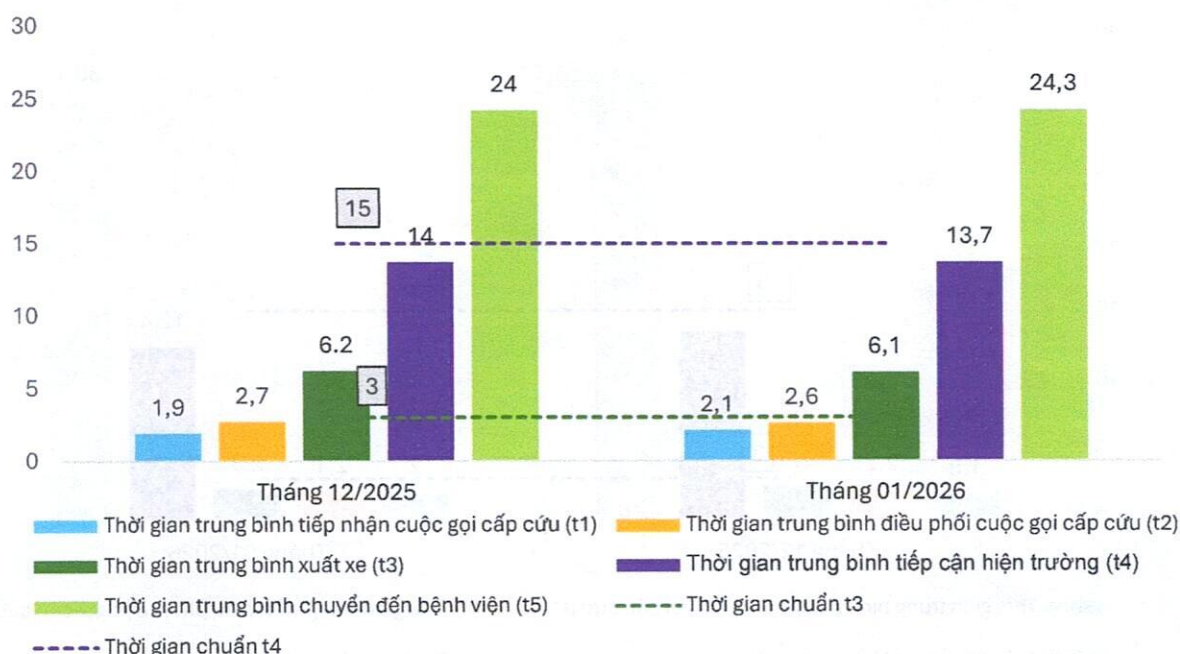
Biểu đồ 12. Thời gian của từng giai đoạn trong CCNBV của TTCC115 trong 01 tháng năm 2026

- Trong tháng 01, Trung tâm Cấp cứu 115 ghi nhận thời gian đáp ứng cấp cứu từ lúc tiếp nhận cuộc gọi cho đến lúc xuất xe là 6,4 phút. Thời gian trung bình xuất xe trong tháng 01 ngắn hơn so với thời gian mục tiêu (2,3 phút so với 3 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian xuất xe từ dưới 3 phút chiếm 90%.

- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường trong tháng 01 ngắn hơn so với thời gian mục tiêu (12,4 phút so với 15 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian tiếp cận hiện trường từ dưới 15 phút chiếm 66,1%.

❖ Trạm cấp cứu vệ tinh 115

- Thời gian trung bình tiếp nhận cuộc gọi cấp cứu (t1): 2,1 phút.
- Thời gian trung bình điều phối cuộc gọi cấp cứu (t2): 2,6 phút.
- Thời gian trung bình xuất xe (t3): 6,1 phút.
- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường (t4): 13,7 phút.
- Thời gian trung bình chuyển đến bệnh viện (t5): 24,3 phút.



Biểu đồ 13. Thời gian của từng giai đoạn trong CCNBV của TVT trong 01 tháng năm 2026

- Trong tháng 01, Trạm vệ tinh 115 ghi nhận thời gian đáp ứng cấp cứu từ lúc tiếp nhận cuộc gọi cho đến lúc xuất xe là 10,8 phút. Thời gian trung bình xuất xe trong tháng 01 dài hơn so với thời gian mục tiêu (6,1 phút so với 3 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian xuất xe từ dưới 3 phút chiếm 22,6%.

- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường trong tháng 01 ngắn hơn so với thời gian mục tiêu (13,7 phút so với 15 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian tiếp cận hiện trường từ dưới 15 phút chiếm 52,4%.

3. Cơ cấu bệnh tật

3.1. Cơ cấu bệnh tật theo mã ICD

❖ Trung tâm Cấp cứu 115

Bảng 1. Tỷ lệ 10 bệnh mắc hàng đầu của TTCC115 tháng 01/2026 (n=981)

STT	Tên bệnh	Số ca	Tỷ lệ
1	Suy hô hấp (J96)	95	9,7%
2	Chấn thương vùng đầu (S00, S01, S06, S09)	87	8,9%
3	Ngưng tim, ngưng thở (I46, R98, R99)	65	6,6%
4	Đột quỵ não (I64)	50	5,1%
5	Tăng huyết áp (I10)	48	4,9%
6	Động kinh, co giật (R56, F44)	45	4,6%
7	Rối loạn tiền đình (H81, R42)	40	4,1%

STT	Tên bệnh	Số ca	Tỷ lệ
8	Hạ đường huyết (E16)	36	3,7%
9	Chấn thương vùng hông và đùi (S72, S77)	33	3,4%
10	Viêm phổi (J18, J16, J15)	30	3,1%

Trong tháng 01/2026, TTCC115 đã tiếp nhận các trường hợp cấp cứu như sau:

- Tỷ lệ 10 bệnh có nhu cầu cấp cứu cao nhất dao động từ 3,1% đến 9,7%.
- “Suy hô hấp” với 95 ca chiếm tỷ lệ cao nhất là 9,7%, “Chấn thương vùng đầu” với 87 ca chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 8,9%.
- “Viêm phổi” là bệnh có tỷ lệ thấp 30 ca, chiếm 3,1%.

❖ **Trạm cấp cứu vệ tinh 115**

**Bảng 2. Tỷ lệ 10 bệnh mắc hàng đầu của TVT115 tháng 01/2026
tại khu vực 1, 2 và 3 (n=1.574)**

STT	Tên bệnh	Số ca	Tỷ lệ
1	Chấn thương vùng đầu (S00, S01, S02, S03, S06, S07, S09)	167	10,6%
2	Ngưng tim, ngưng thở (I46, R98, R99)	151	9,6%
3	Đột quỵ não (I64, I61)	138	8,8%
4	Suy hô hấp (J96)	104	6,6%
5	Động kinh, co giật (F44.5, G25.3, G25.4, R56.8, R56.0, G40)	80	5,1%
6	Rối loạn tiền đình (R42, H81)	64	4,1%
7	Viêm phổi (J18, J12, J15, J16)	41	2,6%
8	Tăng huyết áp (I10)	40	2,5%
9	Hạ đường huyết (Y42.3, E16.1, E16.2, E16.0)	38	2,4%
10	Xuất huyết tiêu hoá (K92)	31	2,0%

Trong tháng 01/2026, TVT115 đã tiếp nhận các trường hợp cấp cứu như sau:

- Tỷ lệ 10 bệnh có nhu cầu cấp cứu cao nhất dao động từ 2,0% đến 10,6%.
- “Chấn thương ở đầu” với 167 ca chiếm tỷ lệ cao nhất là 10,6%, “Ngưng tim, ngưng thở” với 151 ca chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 9,6%.
- “Xuất huyết tiêu hoá” là bệnh có tỷ lệ thấp 31 ca, chiếm 2,0%.

3.2. Cơ cấu bệnh tật theo lý do cuộc gọi

❖ **Trung tâm Cấp cứu 115**

Bảng 3. Phân bố tỷ lệ lý do gọi cấp cứu của TTCC115 tháng 01/2026

STT	Nhóm lý do gọi cấp cứu	Tần số	Tỷ lệ
1	Bất tỉnh	279	22,7%
2	Khó thở	243	19,7%
3	Tai nạn	209	17%
4	Đột quỵ	74	6%
5	Ngưng tim	32	2,6%
6	Đau Ngực	14	1,1%
7	Tâm thần	7	0,6%
8	Đã thương	1	0,1%
9	Nhóm khác (co giật, chóng mặt, đau lưng,...)	372	30,2%

Trong tháng 01/2026, các nhóm lý do gọi cấp cứu cho Trung tâm Cấp cứu 115 được ghi nhận cao nhất là bất tỉnh (chiếm 22,7%), khó thở (chiếm 19,7%), tai nạn (chiếm 17%), đột quỵ (chiếm 6%). Các nhóm lý do gọi cấp cứu chiếm tỷ lệ thấp bao gồm: tâm thần (chiếm 0,6%) và đã thương (chiếm 0,1%).

❖ **Trạm cấp cứu vệ tinh 115**

Bảng 4. Phân bố tỷ lệ lý do gọi cấp cứu của TVT115 tháng 01/2026 tại khu vực 1, 2 và 3

STT	Nhóm lý do gọi cấp cứu	Tần số	Tỷ lệ
1	Bất tỉnh	519	24,2%
2	Tai nạn	444	20,7%
3	Khó thở	336	15,7%
4	Đột quỵ	115	5,4%
5	Ngưng tim, ngưng thở	110	5,1%
6	Tâm thần	13	0,6%
7	Đau Ngực	12	0,6%
8	Đã thương	4	0,2%
9	Nhóm khác (co giật, chóng mặt, đau lưng,...)	590	27,5%

Trong tháng 01/2026, các nhóm lý do gọi cấp cứu cho Trạm vệ tinh 115 được ghi nhận cao nhất là bất tỉnh (chiếm 24,2%), tai nạn (chiếm 20,7%), khó thở (chiếm 15,7%), ngưng tim, ngưng thở (chiếm 5,1%). Các nhóm lý do gọi cấp cứu chiếm tỷ lệ thấp bao gồm: đau ngực và tâm thần (đều chiếm 0,6%), đã thương (chiếm 0,2%).

4. Báo cáo ca tâm thần

Trong tháng 01/2026, số liệu các trường hợp liên quan tâm thần được TTCC115 tiếp nhận, điều phối và xử trí cụ thể như sau:

- Tổng số cuộc gọi cấp cứu có liên quan đến cấp cứu tâm thần: 20 cuộc gọi.
- Số ca cấp cứu có liên quan đến vấn đề tâm thần: 07 ca do TTCC115 tiếp nhận và xử trí.
- Số trường hợp chuyển viện có liên quan vấn đề tâm thần: 06 trường hợp chuyển viện (03 trường hợp chuyển Bệnh viện Tâm thần TP.HCM, 01 trường hợp chuyển Bệnh viện Lê Minh Xuân, 01 trường hợp chuyển Bệnh viện Chợ Rẫy và 01 trường hợp chuyển Phòng khám Đa khoa Family).

5. Báo cáo sự cố

Trong tháng 01/2026, trung tâm không ghi nhận báo cáo sự cố từ Trạm vệ tinh 115.

6. Hoạt động khác

Trung tâm Cấp cứu 115 cùng với Mạng lưới Cấp cứu ngoài bệnh viện tham gia đảm bảo công tác y tế cho 08 sự kiện chính trị và lễ hội, với tổng thời lượng phục vụ là 13 buổi và tổng số xe cứu thương được huy động là 25 xe. Trung tâm Cấp cứu 115 đã phối hợp cùng với các Trạm vệ tinh 115 và các cơ sở y tế như: Bệnh viện Lê Văn Thịnh, Bệnh viện Đa khoa Nhà Bè, Bệnh viện Đa khoa Nguyễn Thị Thập, Bệnh viện Đa khoa Lãnh Bình Thăng.

Trung tâm Cấp cứu 115 đã triển khai đào tạo huấn luyện chuyên môn về cấp cứu ngoài bệnh viện cho nhân viên y tế Trung tâm Y tế Quân dân y Đặc khu Côn Đảo.

7. Thuận lợi, hạn chế, đề xuất phương hướng hoạt động

a. Thuận lợi

- Trung tâm Cấp cứu 115 đã thực hiện tái ký hợp đồng trách nhiệm với các Trạm cấp cứu vệ tinh 115 thuộc khu vực I, trong đó cập nhật điều chỉnh thông tin hành chính đảm bảo tính pháp lý và nâng cao sự phối hợp trong công tác cấp cứu ngoài bệnh viện.

- Thời gian tiếp cận hiện trường của Trung tâm và các Trạm vệ tinh trong tháng tiếp tục được rút ngắn, cải thiện rõ rệt so với tháng 12/2025; bảo đảm tiếp cận và xử trí người bệnh nhanh chóng, kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả cấp cứu ngoài bệnh viện.

b. Hạn chế

- Ngưng hoạt động một số TVT như Trung tâm Y tế Khu vực Thừ Dầu Một và Phòng khám Đa khoa Linh Xuân nên các TVT lân cận phải tăng cường đáp ứng nhu cầu cấp cứu ngoài bệnh viện tại khu vực.

- Một số Trạm vệ tinh 115 có tỷ lệ từ chối cuộc gọi cấp cứu cao do các hạn chế về phương tiện và nguồn lực tại thời điểm điều phối cuộc gọi.

- Công tác nhập liệu bệnh án trên phần mềm EOC trong mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện vẫn chưa đảm bảo tính đầy đủ và đồng bộ; còn thiếu các thông tin thiết yếu như họ tên, năm sinh, mã ICD và nội dung xử trí. Bên cạnh đó, vẫn còn một số trạm vệ tinh chưa thực hiện nhập bệnh án cấp cứu ngoại viện trên hệ thống.

c. Đề xuất

- Tiếp tục mở rộng Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện đặc biệt tại Khu vực 2 và Khu vực 3, củng cố các hoạt động Trạm vệ tinh 115 trong Mạng lưới.

- Đề nghị Lãnh đạo các Trạm cấp cứu vệ tinh tăng cường rà soát, nhắc nhở nhân viên hoàn thiện đầy đủ, kịp thời hồ sơ bệnh án cấp cứu ngoài bệnh viện trên hệ thống EOC, hạn chế thiếu sót ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, báo cáo.

- Trường hợp Trạm vệ tinh không thể tiếp nhận điều phối từ Trung tâm Cấp cứu 115, đề nghị có văn bản báo cáo kịp thời, nêu rõ lý do, giải pháp khắc phục và thời gian dự kiến hoạt động trở lại để Trung tâm chủ động hỗ trợ và điều phối phù hợp.

- Đề nghị các đơn vị tiếp tục phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ về Trung tâm Cấp cứu 115 để Trung tâm tổng hợp, báo cáo và tham mưu Sở Y tế xem xét, hỗ trợ giải quyết khi cần thiết.

Trên đây là Bản tin hoạt động Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện tháng 01 năm 2026, Trung tâm Cấp cứu 115 kính trình Sở Y tế xem xét và chỉ đạo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Sở Y tế;
 - PGS.TS.BS. Nguyễn Anh Dũng (Phó GD SYT);
 - Phòng Nghiệp Vụ Y – Sở Y tế Tp.HCM;
 - Các Trạm vệ tinh 115 thuộc ML CCNBV;
 - BGD Trung tâm;
 - Lưu: VT, KHTC (Huy2b)
- (VB giấy và VB điện tử)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Long



Phụ lục 1

**THÔNG KÊ TRẠM CẤP CỨU VỆ TINH THỰC HIỆN
BỆNH ÁN CẤP CỨU NGOÀI BỆNH VIỆN THÁNG 01/2026**

(Đính kèm theo Bản tin số 479/TTCC115 ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Xuất xe có người bệnh	Số lượng bệnh án TVT làm trên phần mềm	Tỷ lệ làm bệnh án
1	BV An Bình	5	0	0%
2	BV Gia An 115	135	129	95,6%
3	BV Hoàn Mỹ Bình Dương	-	-	-
4	BV Hoàn Mỹ Sài Gòn	38	37	97,4%
5	BV Hoàn Mỹ Thủ Đức	12	10	83,3%
6	BV Hồng Đức II	17	17	100%
7	BV Hồng Đức III	18	18	100%
8	BV Lê Văn Thịnh	59	38	64,4%
9	BV Lê Văn Việt	46	46	100%
10	BV Nhân Dân Gia Định CS2	103	58	56,3%
11	BV Nhi Đồng Thành phố	1	1	100%
12	BV Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp	58	57	98,3%
13	BV Quân Dân y Miền Đông	3	0	0%
14	BV Quân y 175	42	1	2,4%
15	BV Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân đoàn 34	17	11	64,7%
16	BV Sài Gòn ITO Phú Nhuận	80	78	97,5%
17	BV Tâm Anh	40	37	92,5%
18	BV Tâm Trí Sài Gòn	38	17	44,7%
19	BV Triều An	26	22	84,6%
20	BV Ung Bướu CS2	56	55	98,2%
21	BV Vạn Phúc City	25	22	88%
22	BV Xuyên Á	41	41	100%

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Xuất xe có người bệnh	Số lượng bệnh án TVT làm trên phần mềm	Tỷ lệ làm bệnh án
23	BVĐK Bà Rịa	41	28	68,3%
24	BVĐK Bình Chánh	20	20	100%
25	BVĐK Bình Dương	90	90	100%
26	BVĐK Bình Tân	138	136	98,6%
27	BVĐK Bình Thạnh	67	67	100%
28	BVĐK Chánh Hưng	54	50	92,6%
29	BVĐK Củ Chi	13	13	100%
30	BVĐK Củ Chi CS2	3	2	66,7%
31	BVĐK Gò Vấp	33	33	100%
32	BVĐK Hoàn Hảo Dĩ An	22	18	81,8%
33	BVĐK Khánh Hội	21	18	85,7%
34	BVĐK Lãnh Bình Thăng	1	1	100%
35	BVĐK Mỹ Phước	21	0	0%
36	BVĐK Nguyễn Thị Thập	69	67	97,1%
37	BVĐK Nhà Bè	35	35	100%
38	BVĐK Phú Nhuận	11	9	81,8%
39	BVĐK Tân Bình	31	19	61,3%
40	BVĐK Tân Định	38	34	89,5%
41	BVĐK Tân Hưng	16	14	87,5%
42	BVĐK Tân Phú	81	80	98,8%
43	BVĐK Thủ Đức	53	48	90,6%
44	BVĐK Trung Mỹ Tây	94	89	94,7%
45	BVĐK Vũng Tàu	84	64	76,2%
46	BVĐK KV Củ Chi	21	21	100%
47	BVĐK KV Hóc Môn	69	61	88,4%
48	BVĐK KV Thủ Đức	4	1	25%
49	BVĐK QT Hạnh Phúc	10	8	80%

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Xuất xe có người bệnh	Số lượng bệnh án TVT làm trên phần mềm	Tỷ lệ làm bệnh án
50	BVQT Nam Sài Gòn	2	0	0%
51	Cấp cứu 115 KV Thủ Đức	57	55	96,5%
52	Cấp cứu đường thủy 115 BV Từ Dũ CS2	21	21	100%
53	TTYT KV Bắc Tân Uyên	9	7	77,8%
54	TTYT KV Bàu Bàng	8	7	87,5%
55	TTYT KV Bến Cát	5	2	40%
56	TTYT KV Châu Đức	8	0	0%
57	TTYT KV Dầu Tiếng	6	0	0%
58	TTYT KV Dĩ An	30	27	90%
59	TTYT KV Hồ Tràm	4	0	0%
60	TTYT KV Long Đất	35	29	82,9%
61	TTYT KV Phú Giáo	4	0	0%
62	TTYT KV Phú Mỹ	17	14	82,4%
63	TTYT KV Tân Uyên	15	14	93,3%
64	TTYT KV Thuận An	34	30	88,2%
65	TYT phường Bình Đông	128	121	94,5%



Phụ lục 2

**THỐNG KÊ TRẠM CẤP CỨU VỆ TINH
XUẤT XE/ TỪ CHỐI CẤP CỨU NGOÀI BỆNH VIỆN THÁNG 01/2026**

(Đính kèm theo Bản tin số 479 /TTCC115 ngày 15 tháng 1 năm 2026
của Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thống kê Trạm vệ tinh 115 xuất xe/từ chối cấp cứu ngoài bệnh viện khu vực 1

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
1	BV An Bình	151	6 (4%)	145 (96%)	5 (83,3%)
2	BV Gia An 115	178	162 (91%)	16 (9%)	151 (93,2%)
3	BV Hoàn Mỹ Sài Gòn	172	49 (28,4%)	123 (71,5%)	43 (87,7%)
4	BV Hoàn Mỹ Thủ Đức	26	20 (77%)	6 (23%)	14 (70%)
5	BV Hồng Đức II	94	27 (28,7%)	67 (71,3%)	19 (70,3%)
6	BV Hồng Đức III	187	29 (15,5%)	158 (84,5%)	21 (72,4%)
7	BV Lê Văn Thịnh	123	95 (77,2%)	28 (22,8%)	77 (81,0%)
8	BV Lê Văn Việt	103	58 (56,3%)	45 (43,7%)	50 (86,2%)
9	BV Nhân Dân Gia Định CS2	217	150 (69,1%)	67 (30,9%)	114 (76%)
10	BV Nhi Đồng TP	2	2 (100%)	0 (0%)	2 (100%)
11	BV Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp	94	78 (83%)	16 (17%)	66 (84,6%)
12	BV Quân Dân y Miền Đông	116	12 (10,3%)	104 (89,7%)	7 (58,3%)
13	BV Quân Y 175	199	54 (27,1%)	145 (72,9%)	44 (81,4%)
14	BV Sài Gòn ITO Phú Nhuận	162	93 (57,4%)	69 (42,6%)	88 (94,6%)
15	BV Tâm Anh	75	53 (70,7%)	22 (29,3%)	47 (88,6%)
16	BV Tâm Trí SG	228	56 (34,6%)	172 (75,4%)	45 (80,3%)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyên	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
17	BV Triều An	73	35 (47,9%)	38 (52,1%)	33 (94,2%)
18	BV Ung Broun CS2	67	67 (100%)	0 (0%)	67 (100%)
19	BV Vạn Phúc City	104	38 (36,5%)	66 (63,5%)	28 (73,6%)
20	BV Xuyên Á	69	68 (98,5%)	1 (1,5%)	47 (69,1%)
21	BVĐK Bình Chánh	58	24 (41,4%)	34 (58,6%)	22 (91,6%)
22	BVĐK Bình Tân	217	175 (80,6%)	42 (19,4%)	154 (88%)
23	BVĐK Bình Thạnh	219	85 (38,8%)	134 (61,2%)	78 (91,7%)
24	BVĐK Chánh Hưng	108	64 (59,3%)	44 (40,7%)	58 (90,6%)
25	BVĐK Củ Chi	19	17 (89,5%)	2 (10,5%)	17 (100%)
26	BVĐK Củ Chi CS2	12	4 (33,3%)	8 (66,7%)	3 (75%)
27	BVĐK Gò Vấp	232	39 (16,8%)	193 (83,2%)	35 (89,7%)
28	BVĐK Khánh Hội	86	26 (30,2%)	60 (69,8%)	24 (92,3%)
29	BVĐK Lãnh Binh Thăng	119	1 (0,8%)	118 (99,2%)	1 (100%)
30	BVĐK Nguyễn Thị Thập	125	89 (71,2%)	36 (28,8%)	75 (84,2%)
31	BVĐK Nhà Bè	78	55 (70,5%)	23 (29,5%)	40 (72,7%)
32	BVĐK Phú Nhuận	97	16 (16,5%)	81 (83,5%)	14 (87,5%)
33	BVĐK Tân Bình	198	40 (20,2%)	158 (79,8%)	37 (92,5%)
34	BVĐK Tân Định	207	44 (21,3%)	163 (78,7%)	43 (97,7%)
35	BVĐK Tân Hưng	104	19 (18,3%)	85 (81,7%)	17 (89,4%)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
36	BVĐK Tân Phú	207	95 (45,9%)	112 (54,1%)	89 (93,6%)
37	BVĐK Thủ Đức	86	73 (84,9%)	13 (15,1%)	65 (89,0%)
38	BVĐK Trung Mỹ Tây	199	124 (62,3%)	75 (37,7%)	117 (94,3%)
39	BVĐK KV Củ Chi	39	33 (84,6%)	6 (15,4%)	26 (78,7%)
40	BVĐK KV Hóc Môn	131	109 (83,2%)	22 (16,8%)	83 (76,1%)
41	BVĐK KV Thủ Đức	20	5 (25%)	15 (75%)	5 (100%)
42	BVQT Nam Sài Gòn	65	2 (3,1%)	63 (96,9%)	2 (100%)
43	Cấp cứu 115 BV Từ Dũ CS2	23	23 (100%)	0 (0%)	23 (100%)
44	Cấp cứu 115 KV Thủ Đức	68	68 (100%)	0 (0%)	68 (100%)
45	TTYT KV Bình Đông	138	138 (100%)	0 (0%)	138 (100%)

II. Thống kê Trạm vệ tinh 115 xuất xe/từ chối cấp cứu ngoài bệnh viện tại khu vực 2

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
1	BV Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân đoàn 34	27	25 (92,6%)	2 (7,4%)	21 (84%)
2	BVĐK Bình Dương	143	141 (98,6%)	2 (1,4%)	128 (90,7%)
3	BVĐK Hoàn Hảo Dĩ An	27	25 (92,6%)	2 (7,4%)	23 (92%)
4	BVĐK Hoàn Mỹ Bình Dương	-	-	-	-
5	BVĐK Mỹ Phước	35	35 (100%)	0 (0%)	30 (85,7%)
6	BVĐK QT Hạnh phúc	15	14 (93,3%)	1 (6,7%)	10 (71,4%)
7	TTYT KV Bắc Tân Uyên	10	9 (90%)	1 (10%)	8 (88,8%)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
8	TTYT KV Bàu Bàng	13	13 (100%)	0 (0%)	10 (76,9%)
9	TTYT KV Bến Cát	17	14 (82,4%)	3 (17,6%)	6 (42,8%)
10	TTYT KV Dầu Tiếng	7	7 (100%)	0 (0%)	7 (100%)
11	TTYT KV Dĩ An	47	47 (100%)	0 (0%)	34 (72,3%)
12	TTYT KV Phú Giáo	9	7 (77,8%)	2 (22,2%)	6 (85,7%)
13	TTYT KV Tân Uyên	37	35 (94,6%)	2 (5,4%)	24 (68,5%)
14	TTYT KV Thuận An	59	58 (98,3%)	1 (1,7%)	45 (77,5%)

III. Thống kê Trạm vệ tinh 115 xuất xe/từ chối cấp cứu ngoài bệnh viện tại khu vực 3

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
1	BVĐK Bà Rịa	63	59 (93,7%)	4 (6,3%)	54 (91,5%)
2	BVĐK Vũng Tàu	148	145 (98%)	3 (2%)	128 (88,2%)
3	TTYT KV Châu Đức	16	14 (87,5%)	2 (12,5%)	14 (100%)
4	TTYT KV Hồ Tràm	9	8 (88,9%)	1 (11,1%)	5 (62,5%)
5	TTYT KV Long Đất	44	44 (100%)	0 (0%)	39 (88,6%)
6	TTYT KV Phú Mỹ	26	24 (92,3%)	2 (7,7%)	21 (87,5%)
7	TTYT Quân Dân y Đặc khu Côn Đảo	6	4 (66,7%)	2 (33,3%)	4 (100%)



Phụ lục 3

**THỐNG KÊ SỐ TRƯỜNG HỢP CẤP CỨU THEO PHƯỜNG/ XÃ
THÁNG 01/2026**

(Đính kèm theo Bản tin số 479/TTCC115 ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
1	Khu vực 1	phường An Đông	40	28	12
2		phường An Hội Đông	43	10	33
3		phường An Hội Tây	47	9	38
4		Phường An Khánh	57	3	54
5		phường An Lạc	62	5	57
6		phường An Nhơn	20	3	17
7		phường An Phú Đông	45	4	41
8		phường Bàn Cờ	46	30	16
9		phường Bảy Hiền	57	20	37
10		phường Bến Thành	62	11	51
11		phường Bình Đông	69	37	32
12		phường Bình Hưng Hòa	65	6	59
13		phường Bình Lợi Trung	41	12	29
14		phường Bình Phú	34	5	29
15		phường Bình Quới	23	6	17
16		phường Bình Tân	56	10	46
17		phường Bình Tây	27	25	2
18		phường Bình Thạnh	47	8	39
19		phường Bình Thới	21	16	5
20		phường Bình Tiên	32	26	6
21		phường Bình Trị Đông	65	1	64

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
22		phường Bình Trưng	33	5	28
23		phường Cát Lái	29	1	28
24		phường Cầu Kiệu	27	7	20
25		phường Cầu Ông Lãnh	31	8	23
26		phường Chánh Hưng	74	17	57
27		phường Chợ Lớn	39	37	2
28		phường Chợ Quán	27	21	6
29		phường Diên Hồng	60	53	7
30		phường Đông Hưng Thuận	51	11	40
31		phường Đức Nhuận	22	3	19
32		phường Gia Định	67	10	57
33		phường Gò Vấp	41	5	36
34		phường Hạnh Thông	50	12	38
35		phường Hiệp Bình	74	5	69
36		phường Hòa Bình	21	21	0
37		phường Hòa Hưng	66	63	3
38		phường Khánh Hội	21	4	17
39		phường Linh Xuân	51	18	33
40		phường Long Bình	51	43	8
41		phường Long Phước	13	5	8
42		phường Long Trường	26	8	18
43		phường Minh Phụng	34	33	1
44		phường Nhiều Lộc	58	28	30
45		phường Phú Định	80	53	27
46		phường Phú Lâm	29	12	17

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
47		phường Phú Nhuận	40	9	31
48		phường Phú Thạnh	40	17	23
49		phường Phú Thọ	42	34	8
50		phường Phú Thọ Hòa	39	16	23
51		phường Phú Thuận	22	3	19
52		phường Phước Long	39	7	32
53		phường Sài Gòn	104	14	90
54		phường Tam Bình	31	0	31
55		phường Tân Bình	52	18	34
56		phường Tân Định	27	8	19
57		phường Tân Hòa	30	24	6
58		phường Tân Hưng	53	3	50
59		phường Tân Mỹ	23	3	20
60		phường Tân Phú	32	16	16
61		phường Tân Sơn	30	8	22
62		phường Tân Sơn Hòa	39	11	28
63		phường Tân Sơn Nhất	41	16	25
64		phường Tân Sơn Nhì	39	16	23
65		phường Tân Tạo	39	2	37
66		phường Tân Thới Hiệp	39	4	35
67		phường Tân Thuận	29	2	27
68		phường Tăng Nhơn Phú	61	22	39
69		phường Tây Thạnh	31	12	19
70		phường Thạnh Mỹ Tây	77	17	60
71		phường Thới An	37	2	35

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
72		phường Thông Tây Hội	42	9	33
73		phường Thủ Đức	49	13	36
74		phường Trung Mỹ Tây	41	1	40
75		phường Vĩnh Hội	27	4	23
76		phường Vườn Lài	46	46	0
77		phường Xóm Chiếu	22	4	18
78		phường Xuân Hòa	40	16	24
79		xã An Nhơn Tây	11	0	11
80		xã An Thới Đông	8	8	0
81		xã Bà Điểm	39	2	37
82		xã Bình Chánh	16	2	14
83		xã Bình Hưng	83	46	37
84		xã Bình Khánh	8	8	0
85		xã Bình Lợi	8	0	8
86		xã Bình Mỹ	24	0	24
87		xã Cần Giờ	13	13	0
88		xã Củ Chi	28	0	28
89		xã Đông Thạnh	40	1	39
90		xã Hiệp Phước	15	1	14
91		xã Hóc Môn	24	0	24
92		xã Hưng Long	9	4	5
93		xã Nhà Bè	53	0	53
94		xã Nhuận Đức	5	0	5
95		xã Phú Hòa Đông	16	0	16
96		xã Tân An Hội	26	0	26

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
97		xã Tân Nhựt	37	1	36
98		xã Tân Vĩnh Lộc	37	1	36
99		xã Thái Mỹ	4	0	4
100		xã đảo Thạnh An	2	2	0
101		xã Vĩnh Lộc	31	5	26
102		xã Xuân Thới Sơn	23	0	23
103		Khu vực 2	phường An Phú	19	0
104	phường Bến Cát		17	0	17
105	phường Bình Cơ		5	0	5
106	phường Bình Dương		42	0	42
107	phường Bình Hòa		26	0	26
108	phường Chánh Hiệp		14	0	14
109	phường Chánh Phú Hòa		8	0	8
110	phường Dĩ An		44	1	43
111	phường Đông Hòa		20	5	15
112	phường Hòa Lợi		11	0	11
113	phường Lái Thiêu		16	0	16
114	phường Long Nguyên		7	0	7
115	phường Phú An		5	0	5
116	phường Phú Lợi		24	0	24
117	phường Tân Đông Hiệp		19	0	19
118	phường Tân Hiệp	11	1	10	
119	phường Tân Khánh	14	0	14	
120	phường Tân Uyên	16	0	16	
121	phường Tây Nam	5	0	5	

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT	
122		phường Thới Hòa	17	0	17	
123		phường Thủ Dầu Một	27	0	27	
124		phường Thuận An	9	0	9	
125		phường Thuận Giao	22	0	22	
126		phường Vĩnh Tân	7	0	7	
127		xã An Long	0	0	0	
128		xã Bắc Tân Uyên	8	0	8	
129		xã Bàu Bàng	7	0	7	
130		xã Dầu Tiếng	5	0	5	
131		xã Long Hòa	0	0	0	
132		xã Minh Thạnh	0	0	0	
133		xã Phú Giáo	4	0	4	
134		xã Phước Hòa	4	0	4	
135		xã Phước Thành	1	0	1	
136		xã Thanh An	3	0	3	
137		xã Thường Tân	1	0	1	
138		xã Trừ Văn Thố	0	0	0	
139		Khu vực 3	Đặc khu Côn Đảo	5	0	5
140			phường Bà Rịa	26	0	26
141	phường Long Hương		5	0	5	
142	phường Phú Mỹ		25	0	25	
143	phường Phước Thắng		15	0	15	
144	phường Rạch Dừa		26	0	26	
145	phường Tam Long		13	0	13	
146	phường Tam Thắng		41	0	41	

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
147		phường Tân Hải	4	0	4
148		phường Tân Phước	4	0	4
149		phường Tân Thành	8	0	8
150		phường Vũng Tàu	71	0	71
151		xã Bàu Lâm	0	0	0
152		xã Bình Châu	1	0	1
153		xã Bình Giã	1	0	1
154		xã Châu Đức	2	0	2
155		xã Châu Pha	3	0	3
156		xã Đất Đỏ	7	0	7
157		xã Hồ Tràm	4	0	4
158		xã Hòa Hiệp	1	0	1
159		xã Hòa Hội	1	0	1
160		xã Kim Long	3	0	3
161		xã Long Điền	18	0	18
162		xã Long Hải	19	0	19
163		xã Long Sơn	3	0	3
164		xã Ngãi Giao	4	0	4
165		xã Nghĩa Thành	3	0	3
166		xã Phước Hải	11	0	11
167		xã Xuân Sơn	1	0	1
168		xã Xuyên Mộc	2	0	2